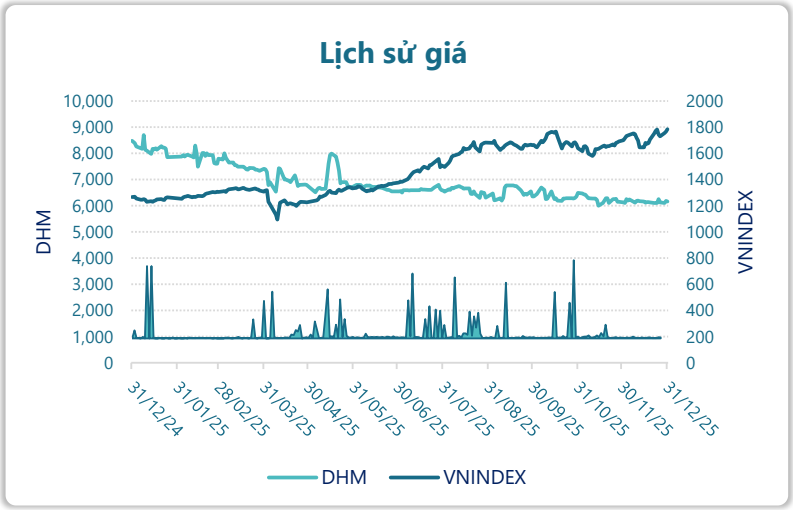
FireAnt

CTCP Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu (HSX: DHM)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,160**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,000
SL cổ phiếu LH	34,535,699
KLGD BQ 20 phiên (CP)	132,505
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	213
P/E	32.4
EPS	190

DT thuần

Q4/25

1,333

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 649| 94.9%

YoY: ▲ 516| 63.2%

LN sau thuế

Q4/25

5.01

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.28| 5.8%

YoY: ▲ 6.10| 559%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

1.3%

+/- YoY: ▲ 0.3%

DT thuần

2025

3,004

tỷ VNĐ

YoY: ▼422| -12.3%

LN sau thuế

2025

6.56

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.78| 136%

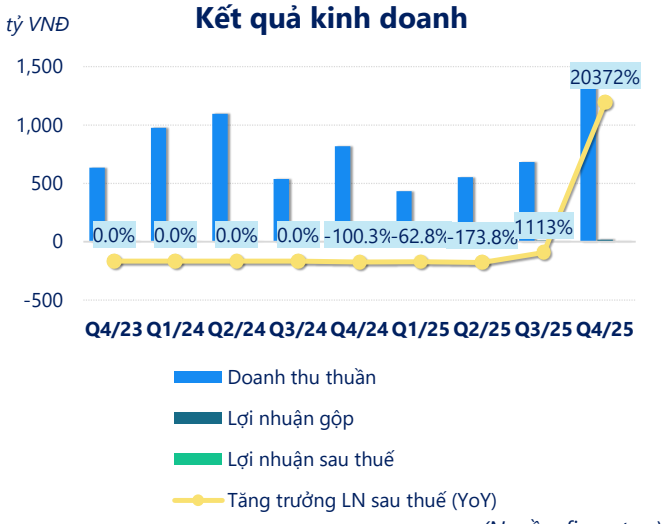
ROE

2025

1.8%

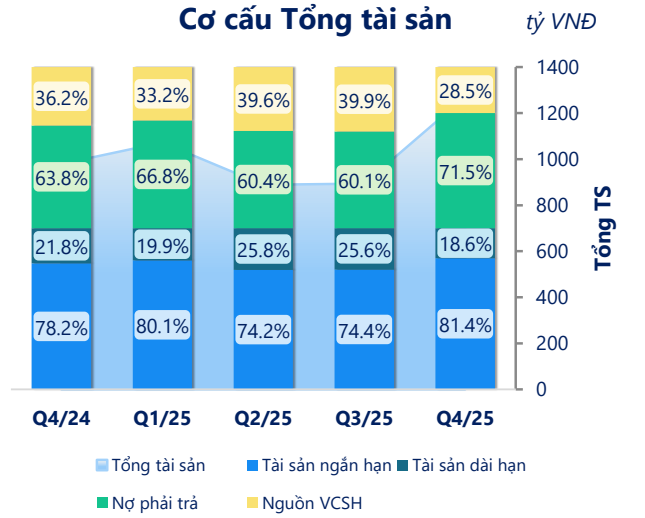
+/- YoY: ▲ 1.0%

Kết quả kinh doanh



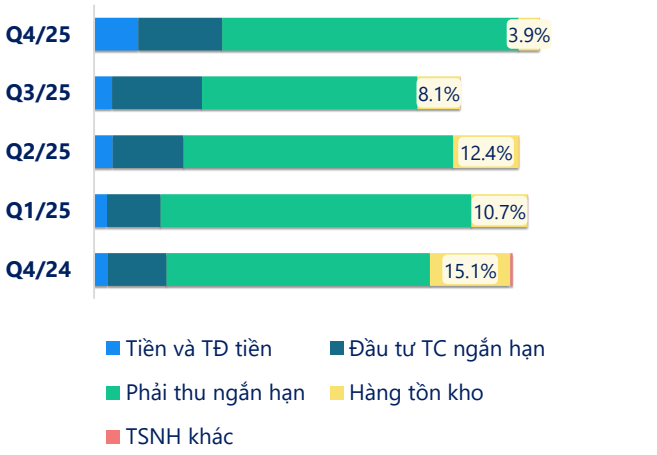
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



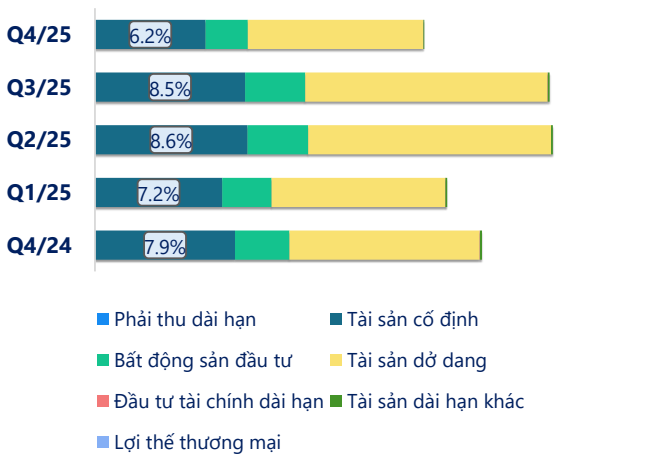
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



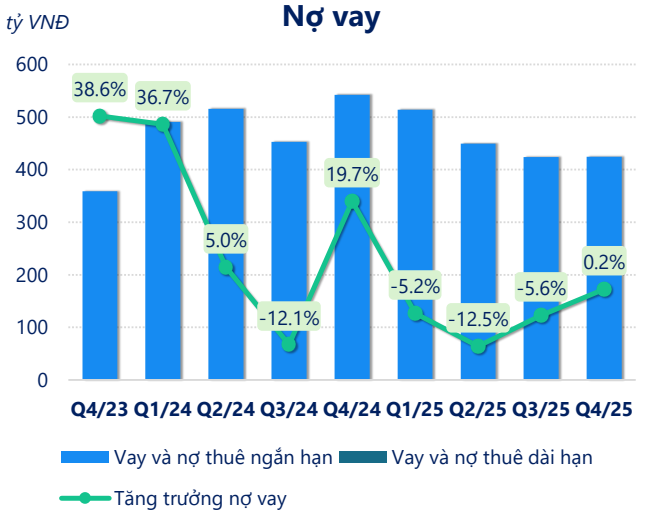
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



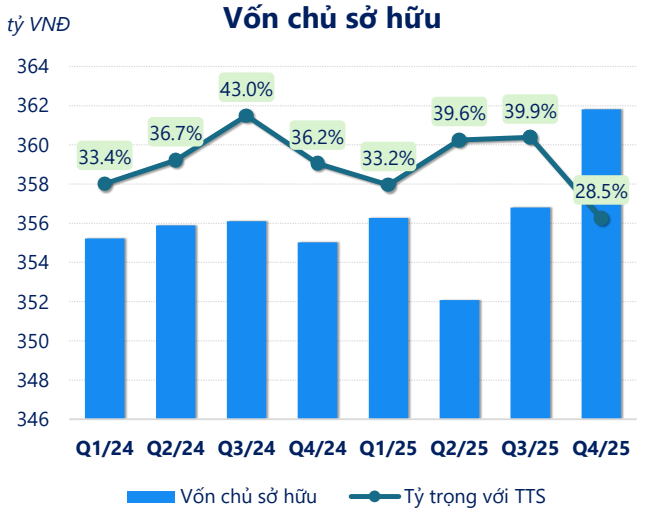
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



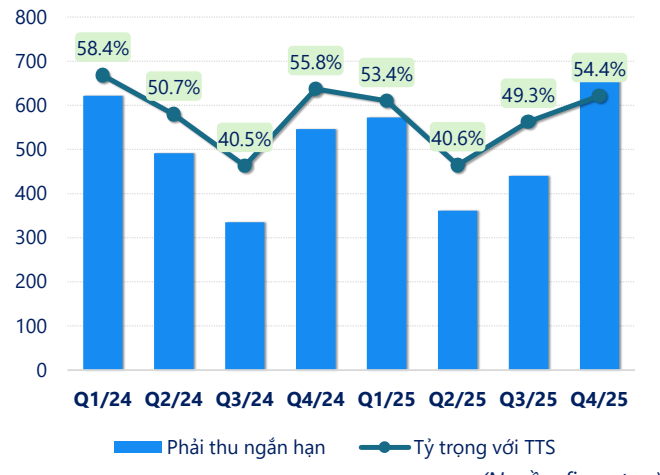
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



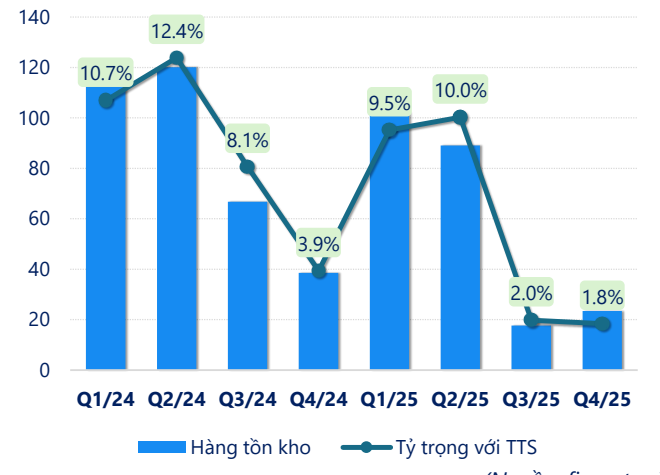
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



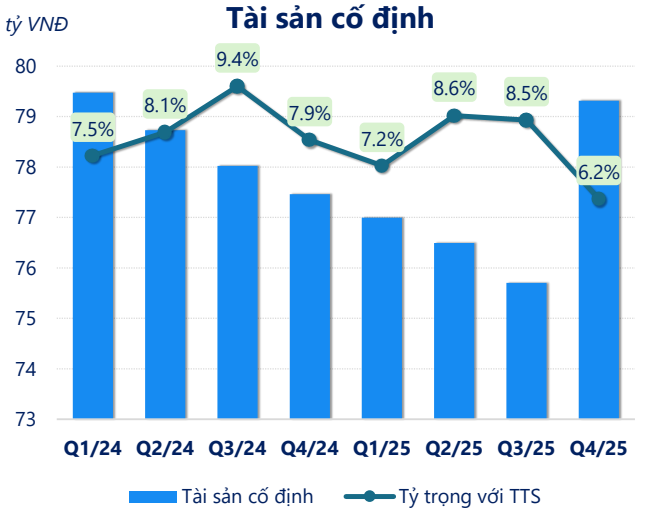
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



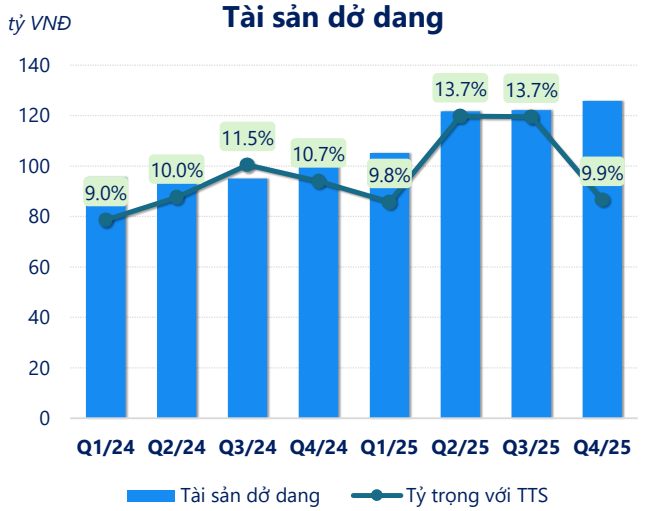
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



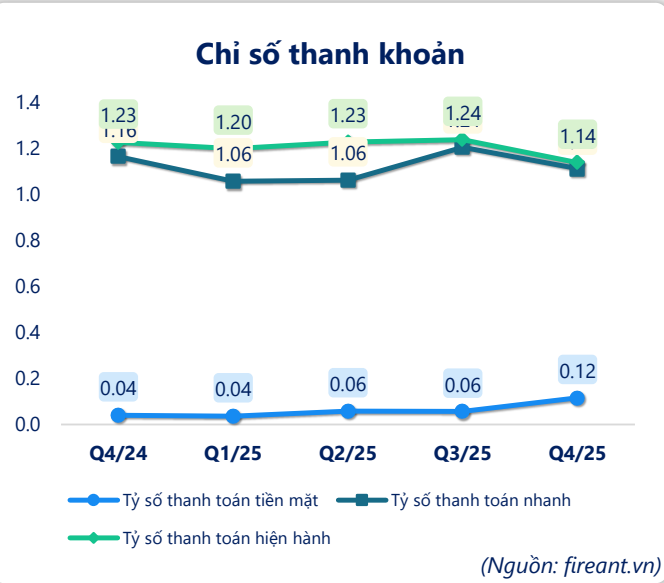
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



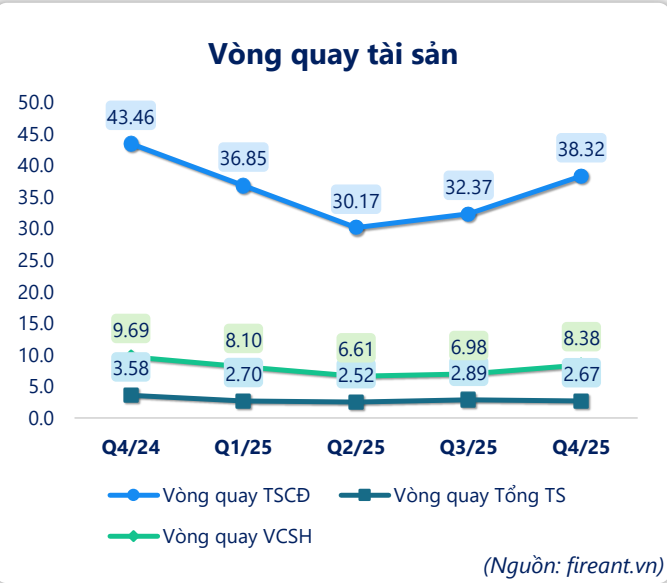
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**979**	**1,072**	**889**	**893**	**1,271**
Tài sản ngắn hạn	**766**	**859**	**659**	**664**	**1,035**
Tiền và tương đương tiền	25.2	25.9	31.3	30.2	105
Đầu tư tài chính ngắn hạn	155	152	171	176	215
Phải thu ngắn hạn	546	572	361	440	691
Hàng tồn kho	38.5	102	89.1	17.7	23.4
Tài sản ngắn hạn khác	0.95	6.98	7.09	0.29	0.37
Tài sản dài hạn	**214**	**213**	**230**	**229**	**236**
Phải thu dài hạn	0	0	0.02	0	0
Tài sản cố định	77.5	77.0	76.5	75.7	79.3
Bất động sản đầu tư	30.0	29.8	30.5	30.3	30.2
Tài sản dở dang	105	105	122	122	126
Đầu tư tài chính dài hạn	0.06	0.06	0.06	0.06	0.06
Tài sản dài hạn khác	1.15	1.06	0.92	0.86	0.68
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**624**	**716**	**537**	**537**	**909**
Nợ ngắn hạn	**624**	**716**	**537**	**537**	**909**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	542	514	449	424	425
Phải trả người bán ngắn hạn	10.2	66.4	83.6	81.0	427
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**355**	**356**	**352**	**357**	**362**
Vốn chủ sở hữu	**355**	**356**	**352**	**357**	**362**
Vốn điều lệ	314	345	345	345	345
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)